

**NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI TRONG VIỆC TÌM KIẾM BẠN TÌNH TRÊN NHÓM NAM QUAN HỆ TÌNH DỤC ĐỒNG GIỚI VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2021**

**Đoàn Duy Dậm<sup>1</sup>, Phạm Lê Huyền Trang<sup>2\*</sup>, Lý Anh Huy<sup>2</sup>, Bùi Ngọc Phương Oanh<sup>2</sup>, Đoàn Thị Kim Phương<sup>2</sup>, Nguyễn Nhân Nghĩa<sup>2</sup>, Đoàn Văn Diễm<sup>2</sup>**

1. Sở Y tế thành phố Cần Thơ

2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ

\*Email: plhtrangtp@gmail.com

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Mạng xã hội (MXH) ngày càng được sử dụng rộng rãi và đi kèm với sự phổ biến ngày càng lớn là sự phát triển các ứng dụng dành cho nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM). Nhiều lo ngại được đặt ra về mối liên hệ của nó với những hành vi tình dục không an toàn và nguy cơ lây nhiễm HIV từ những cuộc gặp gỡ thông qua hình thức này. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả thực trạng sử dụng mạng xã hội trong việc tìm kiếm bạn tình trên nhóm MSM và một số yếu tố liên quan tại thành phố Cần Thơ năm 2021. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang có phân tích 216 MSM từ 16 tuổi trở lên quan tại thành phố Cần Thơ năm 2021. **Kết quả:** Tỷ lệ sử dụng mạng xã hội tìm kiếm bạn tình trong nhóm MSM là 66,7%. Một số yếu tố liên quan: Nhóm 16-25 tuổi có tỷ lệ tìm kiếm bạn tình qua mạng xã hội thấp hơn 0,231 lần so với nhóm >25 tuổi (KTC 95%:0,093-0,574); nhóm học sinh/sinh viên có tỷ lệ tìm kiếm bạn tình qua mạng xã hội thấp hơn 0,451 lần nhóm lao động có thu nhập (KTC 95%: 0,252 - 0,803); nhóm từng sử dụng chất gây nghiện sử dụng mạng xã hội để tìm kiếm bạn tình cao hơn 1,975 lần so với nhóm không sử dụng chất (KTC 95%: 1,029-3,789) và nhóm chỉ có 1 bạn tình sử dụng mạng xã hội tìm kiếm bạn tình thấp hơn 0,214 lần so với nhóm có từ 2 bạn tình trở lên (KTC 95%:0,110-0,416). **Kết luận:** Tỷ lệ tìm kiếm bạn tình qua mạng xã hội khá cao. Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại địa phương cần tăng cường cung cấp các dịch vụ có mục tiêu về phòng chống HIV/AIDS qua mạng xã hội phù hợp với MSM, góp phần giảm tỷ lệ nhiễm mới HIV/AIDS trong nhóm này.

**Từ khóa:** Mạng xã hội, MSM, Cần Thơ.

**ABSTRACT**

**STUDY ON THE USE OF SOCIAL NETWORKS TO FIND SEX PARTNERS IN MEN WHO HAVE SEX WITH MEN AND SOME RELATED FACTORS IN CAN THO CITY IN 2021**

**Doan Duy Dam<sup>1</sup>, Pham Le Huyen Trang<sup>2\*</sup>, Ly Anh Huy<sup>2</sup>, Bui Ngoc Phuong Oanh<sup>2</sup>, Doan Thi Kim Phuong<sup>2</sup>, Nguyen Nhan Nghia<sup>2</sup>, Doan Van Dien<sup>2</sup>**

1. Can Tho City Heathy Department

2. Can Tho City Center for Disease Control

**Background:** Social media is becoming increasingly widely used and is accompanied by the growing popularity of the development of apps for men who have sex with men (MSM). Besides

*the traditional approach at fixed locations, now MSM is shifting to an environment of communication via the internet. Because of the wide accessibility, the anonymity of the users, making it more convenient and efficient to find a sex partners. Many concerns have been raised about unsafe sexual behaviors and the risk of HIV infection from encounters through this form. Objectives: To describe the current state of social media use of social media in finding sex partners in the MSM group and some related factors in Can Tho city in 2021. Materials and methods: A cross-sectional study had analyzed from 216 MSM 16 years of age or older in Can Tho city in 2021. Results: The rate of use of social media to find sex partners in the MSM group was 66.7%. Some related factors: The 16-25 years old group had a 0.231 times lower rate of sex partners find through social media than the over 25-year-old group (95% CI: 0.093-0.574); the pupil/student group had a 0.451 times lower rate of sex partners find through social media than the income group (95% CI: 0.252-0.803); the group used drugs used social media to find sex partners was 1.975 times higher than the non-drug group (95% CI: 1.029-3.789); group with only one sex partner are less to use social media to find sex partners than group with two or more sex partners, a 0.214 times lower (95% CI: 0.110-0.416). Conclusions: The rate of finding sex partners through social media is quite high. Local HIV/AIDS prevention and control activities should strengthen the provision of services titled HIV/AIDS prevention through MSM-aligned social networks, contributing to reducing the rates of new HIV/AIDS infection in this group.*

**Keywords:** Social network, MSM, Can Tho.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự gia tăng của các ứng dụng trên điện thoại di động đã tạo ra một cách thức hoàn toàn mới trong việc tìm kiếm và kết nối với bạn tình của nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM). Bên cạnh cách tiếp cận bạn tình truyền thống tại các tụ điểm cố định, giờ đây đang dần chuyển sang môi trường giao tiếp thông qua internet như: Diễn đàn MSM trực tuyến, phòng chat, trang ứng dụng hẹn hò... vì khả năng truy cập rộng rãi, tính ẩn danh và những tiện lợi khác mà chúng mang lại. Đặc biệt, một số mạng xã hội (MXH) trang bị hệ thống định vị toàn cầu cho phép người dùng tìm thấy MSM khác trong vùng lân cận, giúp việc tìm kiếm các mối quan hệ tình yêu và tình dục trở nên thuận tiện và hiệu quả hơn [5]. Nhiều MXH được phát triển đặc biệt cho MSM, còn gọi là “ứng dụng dành cho người đồng tính” như: Grindr, Jack’d, Blued... đang mở rộng trong cộng đồng MSM tại Việt Nam những năm gần đây [6],[10],[9].

Theo giám sát trọng điểm năm 2019, tỷ lệ sử dụng MXH tìm kiếm bạn tình trong nhóm MSM là 65,7% [4]. Tại Việt Nam, vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về sử dụng MXH tìm kiếm bạn tình trong nhóm MSM, để đóng góp thêm thông tin và ứng dụng kết quả thu được vào các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên nhóm MSM. Chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài: Nghiên cứu thực trạng sử dụng mạng xã hội trong việc tìm kiếm bạn tình trên nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới và một số yếu tố liên quan tại thành phố Cần Thơ năm 2021 với mục tiêu:

- Mô tả thực trạng sử dụng mạng xã hội trong việc tìm kiếm bạn tình trên nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại thành phố Cần Thơ năm 2021.

- Xác định một số yếu tố liên quan đến sử dụng mạng xã hội trong việc tìm kiếm bạn tình trên nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại thành phố Cần Thơ năm 2021.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Nam quan hệ tình dục đồng giới.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** MSM từ  $\geq 16$  tuổi; có QHTD qua đường hậu môn với nam giới khác ít nhất 1 lần trong vòng 12 tháng qua.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Người có năng lực thần kinh không bình thường, không đủ khả năng trả lời phỏng vấn độc lập.

## 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- **Thời gian nghiên cứu:** Từ 6/2021-10/2021.

- **Địa điểm nghiên cứu:** Tại thành phố Cần Thơ.

## 2.3. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Phương pháp cắt ngang có phân tích.

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức ước lượng 1 tỷ lệ:

$$n = \frac{z^2_{1-\frac{\alpha}{2}} p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu.

$Z_{(1-\alpha/2)}$  = 1,96 (kết quả mong muốn với độ tin cậy 95%).

p: Tỷ lệ sử dụng MXH để tìm kiếm bạn tình trong nghiên cứu “MSM và các ứng dụng mạng xã hội” của Trung tâm nghiên cứu Sử dụng ma túy và HIV công bố năm 2018 là 17% [7]. Do đó chọn  $p=0,17$ .

d: Sai số tuyệt đối, chọn  $d=0,05$ . Thay số vào công thức trên ta được  $n=216$ .

- **Phương pháp chọn mẫu:**

Áp dụng phương pháp chọn mẫu cụm (1 cụm là 1 tụ điểm). Từ kết quả lập bản đồ điểm nóng trên nhóm nguy cơ cao năm 2021 của Cần Thơ hiện có 357 tụ điểm với 1.993 MSM. Như vậy, trung bình mỗi tụ điểm có khoảng  $1.993/357 \approx 6$  MSM. Với 216 mẫu MSM, cần chọn 36 tụ điểm, trừ hao hụt, chọn ngẫu nhiên 40 tụ điểm. Tại mỗi tụ điểm mời tất cả MSM tại tụ điểm đó tham gia vào nghiên cứu. Trường hợp tụ điểm ngưng hoạt động hoặc không đủ số lượng thì chọn ngẫu nhiên một tụ điểm khác tại tụ điểm chưa được chọn để thay thế.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Phỏng vấn ĐTNC theo bộ câu hỏi soạn sẵn.

- **Xử lý số liệu:** Nhập liệu bằng Epidata 3.1 và xử lý số liệu bằng SPSS 20.0.

- **Nội dung nghiên cứu:** Xu hướng tình dục: Là sự hấp dẫn về mặt tình cảm hoặc tình dục (hoặc cả hai) một cách lâu dài đối với những người cùng giới hoặc giới khác; tự nhận bản thân: là khả năng bộc lộ xu hướng tình dục của ĐTNC; tuổi lần đầu QHTD: là tuổi lần đầu ĐTNC có QHTD; tìm kiếm bạn tình qua MXH: là việc sử dụng MXH để tìm kiếm bạn tình; số lượng bạn tình: là số lượng người có QHTD với ĐTNC; QHTD nhiều bạn tình cùng lúc: là hành vi tình dục có hơn hai người tham gia cùng lúc; loại chất gây nghiện: Là các nhóm chất gây nghiện mà ĐTNC sử dụng.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm tuổi, học vấn, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân và khuynh hướng tình dục của đối tượng nghiên cứu

	Đặc điểm chung	Tần số	Tỷ lệ %
Nhóm tuổi	16-25	170	78,7
	26-35	37	17,1
	36-49	7	3,2
	>49	2	1

**TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 47/2022**

	Đặc điểm chung	Tần số	Tỷ lệ %
Trình độ học vấn	Chưa từng đến trường	1	0,5
	Tiểu học	1	0,5
	Trung học cơ sở	17	7,9
	Trung học phổ thông	33	15,2
	Trung cấp, cao đẳng, đại học	164	75,9
Nghề nghiệp	Học sinh/sinh viên	85	39,4
	Công nhân	31	14,4
	Viên chức/công chức	42	19,4
	Buôn bán	34	15,7
	Khác	24	11,1
Tình trạng hôn nhân	Chưa lập gia đình	158	73,1
	Đang có vợ	5	2,3
	Đã ly dị/ly thân/Góa vợ	6	2,8
	Sống chung với bạn tình nữ	1	0,5
	Sống chung với bạn tình nam	46	21,3
Tự nhận bản thân	Bóng kín	186	86,1
	Bóng lộ	23	10,7
	Cả hai	7	3,3
Xu hướng tình dục	Chỉ thích bạn tình là nam	163	75,5
	Thích bạn tình là nam hơn nữ	35	16,2
	Nam nữ như nhau	16	7,4
	Thích bạn tình nữ hơn nam	2	0,9

Nhận xét: Nhóm tuổi 16-25 chiếm tỷ lệ đa số 78,7%. Về trình độ học vấn thì nhóm trung cấp, cao đẳng, đại học chiếm 75,9%. Về nghề nghiệp thì nhóm lao động có thu nhập là 60,6%. Tỷ lệ chưa lập gia đình là 73,1%. Tự nhận là bóng kín chiếm đa số 86,1% và xu hướng tình dục chỉ thích nam giới chiếm cao nhất 75,5%.

**Bảng 2. Đặc điểm về độ tuổi lần đầu tiên QHTD và sử dụng chất gây nghiện của ĐTNC**

	Đặc tính	Tần số	Tỷ lệ %
Nhóm tuổi lần đầu QHTD	Trẻ em (<16 tuổi)	33	15,3
	Vị thành niên (16-17 tuổi)	21	9,7
	Thành niên (≥18 tuổi)	140	64,8
	Không nhớ	43	19,9
Đã từng sử dụng chất gây nghiện	Có	67	31,0
	Không	149	69,0
Loại chất gây nghiện đã sử dụng	Chất dạng thuốc phiện: Heroin, morphine, codein...	2	2,9
	Cần sa: Tài mà, bồ đề, cỏ	0	0
	Chất kích thích: Đá, thuốc lắc, cần, bay, amphetamine, Methamphetamine...	6	8,6
	Popper	58	82,9
	Khác	4	5,7

Nhận xét: Về độ tuổi lần đầu QHTD: Từ 18 tuổi trở lên chiếm 64,8%. Có 31% ĐTNC đã từng sử dụng chất gây nghiện, trong đó sử dụng Popper là nhiều nhất 82,9%.

Bảng 3. Tỷ lệ sử dụng MXH tìm kiếm bạn tình của nhóm MSM

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ %
Tìm kiếm bạn tình trên MXH	Có	143	66,2
	Không	73	33,8
Tỷ lệ MXH được sử dụng để tìm kiếm bạn tình	Jack'D	5	1,3
	Grindr	11	2,8
	Blued	91	23,2
	Hornet	4	1
	Zalo	141	35,9
	Facebook	132	33,6
	Khác	9	2,2

Nhận xét: Tỷ lệ tìm kiếm bạn tình qua MXH là 66,2%. Trong đó, MXH có tỷ lệ tìm kiếm nhiều nhất là: Zalo 35,9%; Facebook 33,6%; Blued là 23,2%.

Bảng 4. Đặc điểm về số lượng bạn tình và hành vi QHTD của ĐTNC

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ %
Số lượng bạn tình	1 bạn tình	85	39,4
	≥2 bạn tình	131	60,6
QHTD với bạn tình nam để nhận tiền	Có	27	12,5
	Không	189	87,5
QHTD với nhiều bạn tình cùng một lúc	Có	22	10,2
	Không	194	89,8

Nhận xét: ĐTNC có số lượng bạn tình ≥2 bạn tình chiếm đến 60,6%. Tỷ lệ có nhiều bạn tình cùng một lúc là 10,2%.

Bảng 5. Mối liên quan giữa tuổi, học vấn, nghề nghiệp và hôn nhân với tỷ lệ sử dụng MXH tìm kiếm bạn tình của ĐTNC

Các yếu tố		Mạng Xã hội				OR KTC 95%	P
		Có		Không			
		n	%	n	%		
Tuổi	16-25	103	60,6	66	39,4	0,231 (0,093-0,574)	0,001
	> 25	40	87	6	13		
Học vấn	Từ THCS trở xuống	15	78,9	4	21,1	2,021 (0,646-6,328)	0,219
	Từ THPT trở lên	128	65	69	35		
Nghề nghiệp	Học sinh/sinh viên	47	55,3	38	44,7	0,451 (0,253-0,803)	0,006
	Lao động có thu nhập	96	73,3	35	26,7		
Hôn nhân	Chưa lập gia đình	107	67,7	51	32,3	1,282 (0,685-2,399)	0,436
	Đang sống chung/đã ly thân/ly dị/góa	36	62,1	22	37,9		

Nhận xét: Với p=0,001 thì nhóm tuổi 16-25 tuổi có tỷ lệ tìm kiếm bạn tình thấp hơn 0,231 lần so với nhóm > 25 tuổi. Với p=0,006 thì nhóm học sinh/sinh viên có tỷ lệ tìm kiếm bạn tình thấp hơn 0,451 lần so với nhóm lao động có thu nhập. Trình độ học vấn, hôn nhân không có mối liên quan với việc MSM sử dụng mạng xã hội tìm kiếm bạn tình, do p > 0,05.

Bảng 6. Mối liên quan giữa tỷ lệ sử dụng MXH tìm kiếm bạn tình trên nhóm MSM với tỷ lệ từng sử dụng chất gây nghiện và số lượng bạn tình của ĐTNC

Các yếu tố		Mạng xã hội				OR KTC 95%	p
		Có		Không			
		n	%	n	%		
Từng sử dụng chất gây nghiện	Có	51	76,1	16	23,9	1,975 (1,029-3,789)	0,039
	Không	92	61,7	57	38,3		
Số lượng bạn tình	Chỉ có 1 bạn tình	43	50,6	42	49,4	0,214 (0,110-0,416)	<0,001
	Từ 2 bạn tình trở lên	86	82,7	18	17,3		

Nhận xét: Với  $p=0,039$  nhóm từng sử dụng chất gây nghiện cao gấp 1,975 lần so với nhóm không sử dụng chất gây nghiện. Nhóm chỉ có 1 bạn tình có tỷ lệ tìm kiếm bạn tình qua MXH thấp hơn 0,214 lần so với nhóm có từ 2 bạn tình trở lên, với  $p<0,001$ .

#### IV. BÀN LUẬN

Về nhóm tuổi: Tập trung ở nhóm 16-25 tuổi chiếm 78,7% tương đương với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Quang Thông (2020) [3]. Trình độ học vấn chiếm tỷ lệ cao nhất là 75,9% trung cấp, cao đẳng, đại học gần tương đồng so với nghiên cứu của Nguyễn Quang Thông (2020) trước khi can thiệp là 78% [3]. Nghề nghiệp: Có 60,6% là lao động có thu nhập. Tình trạng hôn nhân chủ yếu là chưa lập gia đình chiếm đa số là 71,3% thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Dương Công Thành (2016) tại thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ chưa lập gia đình là 83,3% [2].

MSM có 86,1% là bóng kín và khuynh hướng tình dục chỉ thích bạn tình là nam giới chiếm đến 75,5%. Tỷ lệ đã từng sử dụng chất gây nghiện là 31% so với giám sát trọng điểm nhóm MSM của thành phố Cần Thơ năm 2019 cao hơn rất nhiều (2%) [4] và cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Văn Hùng (2014) tại Hà Nội (16,7%) [1]. Trong số này thì sử dụng Popper là nhiều nhất 82,9%.

Về số lượng bạn tình: Tỷ lệ có từ 2 bạn tình trở lên chiếm 60,6%. Tỷ lệ QHTD có nhận tiền là 12,5% so với số liệu trong Giám sát trọng điểm năm 2019 thì tỷ lệ này chỉ có 6% [4]. Dưới tác động của dịch covid 19 nên có sự gia tăng so với GSTĐ. Tỷ lệ MSM QHTD với nhiều bạn tình cùng lúc là 10,2%. Việc sử dụng chất gây nghiện đang gia tăng, có thể làm tăng nhu cầu tình dục và MXH trở thành nơi dễ dàng tìm kiếm bạn tình. Tuy nhiên, cần có những nghiên cứu toàn diện hơn nhằm định hướng xây dựng kế hoạch các chương trình can thiệp y tế phù hợp.

Tỷ lệ MSM tìm kiếm bạn tình qua MXH là 66,2%. So với kết quả giám sát trọng điểm của thành phố Cần Thơ năm 2019 thì gần như tương đồng nhau (65,7%) [4]. Điều này cho thấy sự chuyển đổi sang MXH của MSM trong việc tìm kiếm bạn tình. Theo một nghiên cứu ở Melbourne cho thấy 71% MSM gặp gỡ bạn tình qua các ứng dụng hẹn hò [8]. Lý do là MXH cung cấp một nền tảng bảo mật giúp MSM gặp gỡ bạn tình mà không cần tiết lộ nhiều thông tin cá nhân, từ đó dễ dàng hẹn hò và gặp gỡ nhau hơn.

Trong số các MXH được sử dụng thì Zalo, Facebook được sử dụng nhiều nhất trong vấn đề tìm kiếm bạn tình với tỷ lệ 69,5%; riêng Blued là 23,2%. Trong khi so với GATĐ năm 2019 tại Cần Thơ, tỷ lệ này của Zalo và Facebook chỉ có 49,7% còn Blued là 61,4% [4]. Do Facebook, Zalo phổ biến hơn trên nhóm MSM học sinh, sinh viên qua đó tham gia vào các hội nhóm dành cho MSM nên tìm kiếm bạn tình dễ dàng hơn.

Với  $p=0,001$  và  $OR=0,231$  thì nhóm 16-25 tuổi sử dụng MXH tìm kiếm bạn tình thấp hơn 0,231 lần so với nhóm > 25 tuổi. Nhóm MSM > 25 tuổi là những cá nhân được

xác định để cung cấp các dịch vụ có mục tiêu về phòng chống HIV/AIDS với nguồn lực có hạn nhưng vẫn mang lại hiệu quả mong đợi. Tuy nhiên, cần nghiên cứu sâu hơn để làm rõ về những dịch vụ phù hợp để cung cấp cho nhóm đối tượng này.

Về nghề nghiệp thì với  $p=0,006$  và tỷ số  $OR=0,451$  nên nhóm học sinh/sinh viên sử dụng MXH để tìm kiếm bạn tình thấp hơn 0,451 lần nhóm lao động có thu nhập (LĐCTN). Có hai lý do: Một là, sự chấp nhận về giới đối với MSM chỉ là thiểu số MSM khó bộc lộ khuynh hướng giới của bản thân, trong khi MXH có thể đóng vai trò như một trung tâm, giúp MSM dễ dàng tụ tập và gặp gỡ nhau hơn; thứ hai là do sự kỳ thị và phân biệt đối xử ngoài xã hội, MXH lại cung cấp một nền tảng bảo mật có thể gặp gỡ bạn tình mà không cần tiết lộ quá nhiều thông tin cá nhân.

Với  $p=0,039$  và  $OR=1,975$  thì tỷ lệ sử dụng chất gây nghiện làm tăng khả năng tìm kiếm bạn tình qua MXH lên 1,975 lần so với nhóm không sử dụng chất gây nghiện. Với  $p < 0,001$  cùng với  $OR=0,214$  thì nhóm chỉ có 1 bạn tình ít có khả năng sử dụng MXH trong việc tìm kiếm bạn tình hơn so với nhóm có từ 2 bạn tình trở lên. Lý giải cho vấn đề này là vì đặc tính của chất gây nghiện (popper chiếm tỷ lệ cao nhất) là tăng khoái cảm trong QHTD, thời gian QHTD kéo dài hơn và QHTD với nhiều bạn tình hơn nên sau khi dùng chất gây nghiện, MSM có xu hướng tăng tìm kiếm bạn tình trong khi MXH là một cách thức có thể đáp ứng nhu cầu này.

## **V. KẾT LUẬN**

Tỷ lệ sử dụng MXH trong việc tìm kiếm bạn tình trên nhóm MSM: 66,7%.

Có mối liên quan giữa tỷ lệ sử dụng MXH tìm kiếm bạn tình trong nhóm MSM với nhóm tuổi, nghề nghiệp, từng sử dụng chất gây nghiện, số lượng bạn tình.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Văn Hùng (2014), “Thực trạng sử dụng dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV/STIs và các yếu tố liên quan ở nhóm nam bán dâm đồng giới tại một số quận Hà Nội”, *Tạp chí Y học dự phòng 2017*.
2. Dương Công Thành (2016), “Tỷ lệ nhiễm HIV, hành vi nguy cơ nhiễm HIV và tiếp cận các dịch vụ về HIV/AIDS trong các nhóm nguy cơ cao tại Việt Nam năm 2014”, Hà Nội.
3. Nguyễn Quang Thông (2020), “Đánh giá mô hình can thiệp phòng chống HIV/STI trên nhóm MSM tại thành phố Cần Thơ”, Cần Thơ.
4. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Cần Thơ (2019), “Báo cáo kết quả giám sát trọng điểm lồng ghép giám sát hành vi năm 2019”, Cần Thơ.
5. Bolin Cao & Chuncheng Liu (2017), “Faster and Riskier? online context of sex seeking among MSM in China”. *Sex Transm Dis* 2017, 44, pp.239–244.
6. Dustin T Duncan & Su Hyun Park (2018), “Characterizing Geosocial-Networking App Use Among Young Black Men Who Have Sex With Men: A Multi-City Cross-Sectional Survey in the Southern United States”, *JMIR Mhealth Uhealth*, 6 (6).
7. Dustin T. Duncan (2018), “Men Who Have Sex With Men (MSM) and Social Networking Apps”, *Center for Drug Use and HIV Research*.
8. Eric P.F.Chow & Vincent J.Cornelisse (2016), “Risk Practices in the Era of Smartphone Apps for Meeting Partners: A Cross-Sectional Study Among MSM with Men in Melbourne”, *Australia, AIDS Patient Care STDs*, Vol. 30, pp.151-154.
9. Haidong Wang & Lu Zhang (2018), “The use of geosocial networking smartphone applications and the risk of sexually transmitted infections among men who have sex with men: a systematic review and meta-analysis”, *BMC Public Health*, 1178.

10. William C Goedel & Dustin T Duncan (2015), “Geosocial-Networking App Usage Patterns of Gay, Bisexual, and Other Men Who Have Sex With Men: Survey Among Users of Grindr, A Mobile Dating App”, *JMIR Publications*, 1(1): e4.

(Ngày nhận bài: 21/01/2022 - Ngày duyệt đăng: 12/3/2022)

**NGHIÊN CỨU MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA THANG ĐIỂM  
CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF VÀ SỐ NHÁNH ĐỘNG MẠCH VÀNH TỔN THƯƠNG  
Ở BỆNH NHÂN NHỒI MÁU CƠ TIM CẤP KHÔNG ST CHÊNH LÊN  
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG CẦN THƠ**

*Huỳnh Tấn Anh Khoa\*, Nguyễn Thành Nhân, Nguyễn Phú Nguyễn*

*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

*\*Email: htakhoa.y42@student.ctump.edu.vn*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Thang điểm CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF là thang điểm mới, giúp đánh giá yếu tố nguy cơ, khảo sát mức độ tổn thương mạch vành giúp cho các bác sĩ có được lựa chọn điều trị phù hợp cho bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định đặc điểm các thành tố của thang điểm CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF và đánh giá mối tương quan giữa CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF với số nhánh động mạch vành bị tổn thương trên bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp không ST chênh lên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 59 bệnh nhân nhập viện tại Khoa Tim mạch can thiệp Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ từ tháng 1/2020 đến tháng 10/2020. **Kết quả:** Nam giới chiếm tỷ lệ cao hơn nữ và tăng huyết áp, hút thuốc lá là những yếu tố nguy cơ thường gặp nhất. Số nhánh mạch vành tổn thương có tương quan thuận mức độ tương quan trung bình với điểm CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF,  $r=0,439$ ,  $p=0,001$ . **Kết luận:** Bệnh nhân có nhiều yếu tố nguy cơ thì điểm CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF càng cao và mức độ tổn thương động mạch vành càng nhiều.

**Từ khóa:** Nhồi máu cơ tim không ST chênh lên, điểm CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF.

**ABSTRACT**

**STUDY OF THE CORRELATION BETWEEN CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF  
SCORE AND THE NUMBER OF INJURED CORONARY  
ARTERY BRANCHES IN PATIENTS WITH NON-ST-ELEVATION  
ACUTE MYOCARDIAL INFARCTION  
AT CAN THO CENTRAL GENERAL HOSPITAL**

*Huynh Tan Anh Khoa, Nguyen Thanh Nhan, Nguyen Phu Nguyen*

*Can Tho University of Medicine and Pharmacy*

**Background:** CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF score, which is a new scale, may evaluate risk factors and examine the extent of coronary artery injury to help doctors choose the appropriate treatment for patients. **Objectives:** To indentify the feature of components of CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF score and assess the connection between CHA<sub>2</sub>DS<sub>2</sub>-VASc-HSF and the number of injured coronary arteries in patients with non-ST-elevation acute myocardial infarction. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 59 patients hospitalized to Interventional Cardiology Department of Can Tho Central General Hospital, from January 2020 to October 2020. **Results:**